

đông khô khi lưu ở điều kiện 2-8°C và -20°C đều đạt độ ổn định trong thời gian 10 tuần tại mọi thời điểm đánh giá với giá trị $P > 0,05$. Nghiên cứu của tác giả cũng đề cập đến sự ổn định giá trị PT ở các điều kiện nhiệt độ không liên quan tới loại mẫu, cụ thể nguyên liệu tạo bộ mẫu thu thập từ tình nguyện viên khỏe mạnh, người dùng warfarin, bệnh nhân mắc hemophilia A và hemophilia B, còn trong nghiên cứu của chúng tôi sử dụng huyết tương tươi đông lạnh chứa chất bảo quản và huyết tương chứa chất ức chế đông máu.

V. KẾT LUẬN

- Trung tâm Kiểm chuẩn Chất lượng Xét nghiệm Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất được mẫu EQA đông khô Prothrombin Time ứng dụng trong chương trình ngoại kiểm đông máu.

- Mẫu EQA đông khô Prothrombin Time do Trung tâm sản xuất đạt độ đồng nhất đáp ứng cho chương trình thử nghiệm thành thạo.

- Bộ mẫu EQA đông khô Prothrombin Time đạt độ ổn định khi bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C và -20°C đến 10 tuần, ổn định vận chuyển tối thiểu 7 ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Cunningham MT, et al.** Quality assurance in hemostasis: the perspective from the College of American Pathologists proficiency testing program. *Semin Thromb Hemost.* Apr 2007; 33(3):250-8.
2. **Jones P. Haemophilia:** a global challenge. *Haemophilia.* Jan 1995;1(1):11-3.
3. **Jennings I, et al.** Stability of coagulation proteins in lyophilized plasma. *International Journal of Laboratory Hematology.* 2015; 37(4): 495-502.
4. **International Standard Organization (2015).** "ISO 13528 Statistical methods for use in proficiency testing by interlaboratory comparison", Geneva, Switzerland, First edition.
5. **Skinner MW.** Haemophilia: provision of factors and novel therapies: World Federation of Hemophilia goals and achievements. *British journal of haematology.* 2011;154(6):704-714.
6. **Srivastava A.** Delivery of haemophilia care in the developing world. *Haemophilia.* 1998;4:33-40.
7. **Susai SR, et al.** Evidence that complement and coagulation proteins are mediating the clinical response to omega-3 fatty acids: A mass spectrometry-based investigation in subjects at clinical high-risk for psychosis. *Transl Psychiatry.* Oct 28 2022;12(1):454.
8. **Yuan H, Gao Z, Zhang J, et al.** Homogeneity and Stability Evaluation of External Quality Assessment Control Materials for Four Coagulation Tests. *Clin Lab.* May 1 2021;67(5).

ĐẶC ĐIỂM VÀ CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY Ở LỚP HỌC TRỰC TUYẾN TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19: KINH NGHIỆM CỦA GIẢNG VIÊN ĐIỀU DƯỠNG KHỐI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP

Nguyễn Thị Hồng Anh¹, Vũ Minh Thúy¹, Hoàng Thị Xuân Hương¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Mô hình dạy-học trực tuyến khá mới mẻ ở Việt Nam, và được chọn là một phương pháp ứng phó với đại dịch COVID-19 giai đoạn 2020-2021. Kinh nghiệm giảng dạy trong các lớp học trực tuyến chưa được mô tả kỹ lưỡng trong giáo dục và đào tạo điều dưỡng. **Mục tiêu:** Tìm hiểu đặc điểm của giảng dạy trực tuyến và các chiến lược giảng dạy hiệu quả trong lớp học trong giảng dạy trực tuyến tại các trường đào tạo điều dưỡng khối ngoài công lập. **Phương pháp:** Nghiên cứu định tính mô tả, được thực hiện tại ba trường đào tạo điều dưỡng ngoài công lập. Số liệu được thu thập dựa trên 12 cuộc phỏng vấn sâu bán cấu trúc sử dụng phương tiện liên

lạc trực tuyến. Dữ liệu được gỡ băng, mã hóa và phân tích nội dung theo hướng tiếp cận quy nạp. **Kết quả:** Đặc điểm của dạy trực tuyến là sự thay đổi đột ngột về các chiến lược giảng dạy, thiếu sự kết nối – tương tác; và đòi hỏi sự thích ứng cao. Các chiến lược giảng dạy hiệu quả bao gồm (1) Chiến lược liên quan đến yếu tố cá nhân; (2) Chiến lược liên quan đến nội dung bài giảng; và (3) Chiến lược nhằm tích cực hóa lớp học. **Kết luận:** Mặc dù giảng dạy trực tuyến còn mới với các giảng viên điều dưỡng, tuy nhiên họ đã tìm ra các chiến lược giảng dạy để nâng cao chất lượng. Các kinh nghiệm mà giảng viên thu được sẽ góp phần hỗ trợ triển khai giáo dục trực tuyến của giáo dục điều dưỡng trong tương lai.

Từ khóa: dạy trực tuyến, giảng dạy tích cực, điều dưỡng, ảo

SUMMARY

CHARACTERISTICS AND TEACHING STRATEGIES IN ONLINE CLASSROOMS: REFLECTION FROM NURSING LECTURERS IN PRIVATE NURSING UNIVERSITIES

¹Đại học Phenikaa, Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hồng Anh
Email: anh.nguyenthinhong@phenikaa-uni.edu.vn
Ngày nhận bài: 9.5.2023
Ngày phản biện khoa học: 19.6.2023
Ngày duyệt bài: 11.7.2023

Background: The online classroom is quite new in Vietnam, and has been chosen as a method to respond to the COVID-19 pandemic in the period of 2020-2021. The experience of teaching in online classes has not been thoroughly described in nursing education and training. **Objectives:** To explore the characteristics of online teaching and effective teaching strategies in online teaching at non-public nursing universities. **Methodology:** A qualitative descriptive study was conducted at three private nursing universities. Data were collected based on 12 semi-structured in-depth interviews using online communication. All data was recorded and taken notes, transcribed verbatim, sorted, and then analyzed in inductive content analysis. **Findings:** The characteristics of the online day are the sudden change in teaching strategies, lack of connection - interaction; and requires a high degree of adaptation. Effective teaching strategies include (1) Strategies related to the individual factors; (2) Strategies related to lecture content; and (3) Strategies for maximize teaching-learning activities. **Conclusion:** Although online teaching is new to nursing lecturers, they have found teaching strategies to improve quality. The experiences gained by the faculty are expected to support the implementation of online nursing education in the future.

Keywords: online teaching, online learning, nursing, virtual

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID-19 do virus SARS-CoV-2 đã bùng phát ở hơn 223 nước trên toàn cầu. Trong suốt đại dịch, toàn thế giới đã ghi nhận trên 730 triệu ca nhiễm, 6,8 triệu ca tử vong [8]. Tại Việt Nam, số ca nhiễm là trên 11 triệu và hơn 43 nghìn ca tử vong [3]. Do dịch bệnh, các lớp học trực tiếp (face-to-face) đã bị thay thế bởi các lớp học trực tuyến (online) nhằm đảm bảo giãn cách xã hội. Trong thời gian đại dịch xuất hiện, giảng dạy trực tuyến trở thành ưu tiên lựa chọn của các trường đào tạo điều dưỡng tại nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

Nghiên cứu của Sword và cs. đã cho thấy giảng dạy trực tuyến là công việc đầy thử thách, mất nhiều thời gian, và mất sự kết nối, giao tiếp của giảng dạy thông thường. Ngoài ra, thiếu nguồn lực về hạ tầng viễn thông, thiếu sự tập huấn – hướng dẫn, và khó khăn thích nghi với tình trạng mới cũng là rào cản đối với thầy/cô [7]. Một số công cụ quan trọng trong giảng dạy trực tuyến như: thảo luận và làm bài tập nhóm, cho sinh viên tài liệu học tập, và hướng dẫn nâng cao học tập tự định hướng ở sinh viên được báo cáo trong các nghiên cứu gần đây. Bên cạnh đó, các đặc điểm của lớp học trực tuyến thành công bao gồm: sự phản hồi, bài giảng hấp dẫn, mục tiêu môn học rõ ràng, và sinh viên có thể tham gia vào quá trình giảng dạy [5].

Tại Việt Nam, giảng dạy trực tuyến trong ngành điều dưỡng còn khá mới mẻ. Các trường đại học ngoài công lập do được đầu tư tốt về cơ sở vật chất và hạ tầng viễn thông nên tỏ ra thích ứng nhanh chóng với việc tổ chức các lớp học trực tuyến. Tuy nhiên, do hình thức giảng dạy này chưa được thực hiện phổ biến trước đại dịch COVID-19, nên chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tìm hiểu (1) Đặc điểm giảng dạy trực tuyến trong giáo dục điều dưỡng, và (2) Các chiến lược giảng dạy hiệu quả trong giảng dạy trực tuyến của giảng viên ngành điều dưỡng tại các trường đại học ngoài công lập.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu được sử dụng là phương pháp định tính mô tả theo phương pháp của Sandelowski, Margarete [6].

2.2. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu được chọn theo tiêu chuẩn: là (1) là giảng viên ngành điều dưỡng các trường Đại học ngoài công lập; (2) có tham gia giảng dạy trực tuyến trong khoảng thời gian diễn ra dịch COVID-19 từ tháng 8/2020 đến tháng 5/2021.

Tiêu chuẩn loại trừ: các giảng viên chuyên ngành sức khỏe khác, thuộc trường đại học công lập, không mong muốn tham gia nghiên cứu. Nghiên cứu viên sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện từ các trường đào tạo điều dưỡng có tổ chức các lớp học trực tuyến gồm 3 trường: Khoa Điều dưỡng trường Đại học Phenikaa, Khoa Điều dưỡng trường Đại học Thăng Long, và Khoa Điều dưỡng trường Đại học Đại Nam. Tổng cộng có 12 giảng viên đã tham gia vào nghiên cứu.

Thu thập số liệu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu bán cấu trúc. Câu hỏi phỏng vấn được xây dựng và tham vấn các chuyên gia về nghiên cứu định tính tại trường Đại học Chiang Mai, Thái Lan. Các câu hỏi chính bao gồm: (1) Anh/chị có thể mô tả quá trình giảng dạy trực tuyến của mình; (2) Các chiến lược giảng dạy trong lớp học trực tuyến mà Anh/Chị thường sử dụng là gì? Vui lòng cho ví dụ; (3) Có sự khác biệt gì trong chiến lược giảng dạy khi Anh/Chị chuyển sang lớp học trực tuyến?; và (4) Anh/chị có đề xuất gì để thực hiện giảng dạy trong lớp học trực tuyến tốt hơn?

Các cuộc phỏng vấn được tiến hành riêng tư, mỗi cuộc kéo dài từ 25 - 40 phút, nghiên cứu viên quyết định dừng phỏng vấn khi số liệu đạt tới độ bão hòa. Các nguyên tắc đạo đức khi thực hiện nghiên cứu định tính được tuân thủ nghiêm

ngặt. Dữ liệu được gỡ băng ngay sau khi kết thúc phỏng vấn, làm sạch, và mã hóa. Nghiên cứu viên sử dụng phương pháp phân tích nội dung theo cách tiếp cận quy nạp (inductive) để phân tích dữ liệu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các đối tượng tham gia nghiên cứu phần lớn là nữ (11/12 giảng viên), có trung bình 6±25 năm kinh nghiệm giảng dạy. Kết quả nghiên cứu được trình bày thành hai phần: đặc điểm của giảng dạy trực tuyến và các chiến lược giảng dạy hiệu quả.

3.1. Đặc điểm của giảng dạy trực tuyến.

Các giảng viên tham gia vào nghiên cứu hài lòng với việc chuyển đổi việc giảng dạy từ mô hình trực tiếp sang trực tuyến trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19. Đối tượng nghiên cứu liệt kê các đặc điểm trong quá trình giảng dạy trực tuyến của họ là (1) sự thay đổi đột ngột về các chiến lược giảng dạy, (2) thiếu sự kết nối – tương tác; và (3) đòi hỏi sự thích ứng cao.

Khi đợt đầu dạy online, các giảng viên được chuẩn bị trước rất ít, phải mất một thời gian dài thì mới tạm “quen”. Họ phải thay đổi cách giảng dạy, từ việc dạy trước nhiều sinh viên “giao tiếp với con người” sang việc dạy trước máy vi tính, “giao tiếp với cái màn hình”. Một số thầy/cô mô tả việc giảng dạy trong không gian “một mình” dễ dẫn đến các cảm xúc kém tích cực như “lo lắng” “bối rối” khi lớp học diễn ra không theo mong muốn, hoặc “không hài lòng” “bực” khi không thể tương tác với sinh viên, khi sinh viên không tuân thủ yêu cầu lớp học, hoặc “ngại” khi gặp trục trặc với hệ thống mạng.

Nói chung là giảng trước màn hình thì không được như giảng trước cả lớp có sinh viên, lúc nào cũng lo lắng không rõ sinh viên có đang học không hay đang làm gì. Rồi có lúc rớt mạng, mạng lag, mình cũng bị rối, bị ảnh hưởng.

(Phỏng vấn 2, nữ)

Trong lớp học online, do không trực tiếp nhìn thấy hình ảnh sinh viên dù đã yêu cầu bật camera trong suốt quá trình học, các giảng viên cảm thấy thiếu sự kết nối – tương tác khi “nói mà không có người nghe” hoặc đôi khi sinh viên không tương tác, hoặc tương tác rất chậm. Biểu hiện là khi thầy/cô nêu câu hỏi xong thì không thấy sinh viên nào trả lời; thầy cô chỉ định trực tiếp từng người thì các em còn “không biết cô hỏi cái gì, vì có chú ý đâu”.

Một số thầy cô cũng bày tỏ sự khó khăn khi sử dụng các thiết bị, phương tiện để giảng dạy trực tuyến, ví dụ như các phần mềm hỗ trợ giảng

dạy: Zoom, Google Classroom, Microsoft Team, Meet. Họ phải dành nhiều thời gian và công sức để tập luyện sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy và lượng giá sinh viên. Một cô giáo mô tả việc này là “phải thích ứng với tình hình mới.”

3.2. Các chiến lược giảng dạy trực tuyến hiệu quả. Các thầy cô đã nỗ lực sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để giảng dạy trong lớp học trực tuyến, nhằm giúp sinh viên học tập tốt hơn. Các chiến lược mà có hiệu quả theo các thầy/cô đưa ra được chia thành các chủ đề: (1) Chiến lược liên quan đến yếu tố cá nhân; (2) Chiến lược liên quan đến nội dung bài giảng; và (3) Chiến lược nhằm tích cực hóa lớp học. Chi tiết về các chủ đề và Nhóm nhỏ được trình bày trong Bảng 1.

Chủ đề	Nhóm nhỏ
Chiến lược liên quan đến yếu tố cá nhân	Giọng nói phù hợp
	Biểu cảm gương mặt và thể hiện cảm xúc
Chiến lược liên quan đến nội dung bài giảng	Tích hợp thêm nội dung hình ảnh
	Tăng cường làm bài tập trên lớp
Chiến lược nhằm tích cực hóa lớp học	Tăng cường thảo luận nhóm
	Kết hợp với các trò chơi (game)

3.2.1 Các chiến lược liên quan đến yếu tố cá nhân. Các chiến lược này bao gồm giọng nói, biểu cảm gương mặt hoặc thể hiện cảm xúc kịp thời. Thầy/cô cho rằng ở lớp học trực tuyến, tông giọng rất quan trọng trong giảng dạy. Nếu ở lớp học trực tiếp, thầy/cô sử dụng giọng nói một cách bản năng, thì ở lớp học trực tuyến, thể hiện giọng nói phải được thực hiện một cách “có chủ ý” “nhấn nhá” bằng cách thay đổi tông giọng tùy tình huống bài giảng.

Mình phải nói rõ ràng hơn trên lớp, ý mình là nói với giọng dễ nghe nhất, nói vào mic [micro]. Và mình phải nhấn mạnh chỗ quan trọng, các điểm cần lưu ý, nhấn mạnh nhiều lần. Bởi nếu mình không làm thế, về nghe lại file ghi âm, sinh viên không nghe thấy gì.

(Phỏng vấn 8, nữ)

Ngoài ra, thầy/cô cũng cho rằng biểu cảm gương mặt của họ có tác động tích cực đến sinh viên, khiến sinh viên chú ý vào bài giảng hơn. Họ chia sẻ sinh viên “học lâu với máy tính” trong thời gian dài cũng sẽ “chán” “buồn ngủ”, nên các thầy cô thể hiện những cảm xúc, vẻ mặt khác với sự “nghiêm nghị” thường thấy thì sinh viên sẽ cảm thấy thu hút hơn, tập trung vào bài giảng hơn. Có một số biểu cảm gương mặt hoặc thể hiện mà thầy/cô nhận thấy sinh viên tương tác

nhều hơn, ví dụ khi họ “cười thành tiếng” “nhíu mày” “tỏ ra ngạc nhiên” hay “đăm chiêu suy nghĩ”.

3.2.2. Các chiến lược liên quan đến nội dung bài giảng. Những người tham gia trong nghiên cứu chia sẻ họ phải thay đổi nội dung bài giảng để phù hợp với lớp học trực tuyến, đó là: (1) Tích hợp thêm nhiều hình ảnh, và (2) Tăng thời lượng làm bài tập trên lớp. Thầy/cô cho biết nếu giảng trên lớp học, sinh viên không thể hiện hoặc có rất ít phản ứng tích cực với các slide “nhiều chữ”. Trong lớp học trực tuyến, các slide kiểu đó được cho là dễ “gây nhàm chán” cho người học. Thầy/cô cũng cho rằng sinh viên ngày nay quen tiếp xúc với hình ảnh, video, clip ngắn trên mạng xã hội, nên sử dụng hình ảnh sẽ làm tăng hiệu quả giảng dạy.

Mình đọc các slide mà nhiều chữ mình cũng thấy nó gây nhàm chán chứ chưa nói đến sinh viên. Giờ các em nó dùng mạng nhiều, hình ảnh thì đa dạng, clip ngắn thì sinh động, hấp dẫn. Mình phải thêm hình ảnh vào, thì các em nó học dễ hơn... Một bức ảnh thay ngàn lời nói mà (cười).

(Phỏng vấn 12, nữ)

Đáng chú ý là có một cô giáo yêu cầu sinh viên thêm nội dung vào slide bài giảng của cô giáo, bằng cách yêu cầu sinh viên đọc một số trang tài liệu trước khi đến lớp, và bổ sung vào slide các phần còn thiếu. Cô nói.

Mình cho các em slide trước, rồi nói rõ slide số bao nhiêu chưa có nội dung, rồi yêu cầu các em đọc 2 trang trong sách giáo khoa để bổ sung vào trang còn thiếu. Lúc đầu tưởng chúng nó [sinh viên] không đọc em ạ, hóa ra các em chăm chỉ hơn mình tưởng (cười). (Phỏng vấn 2, nữ)

Ngoài ra, tăng thêm các bài tập trên cũng là một hình thức mà các thầy/cô tham gia nghiên cứu cho rằng làm tăng tính hiệu quả của bài giảng. Thầy/cô mô tả việc làm bài tập trên lớp khiến sinh viên phải tham gia vào hoạt động của lớp học, làm tăng sự tiếp thu. Một cô giáo chia sẻ.

Thì trước đây mình cứ giảng thôi, bài tập thì yêu cầu sinh viên làm ở nhà, trước khi tới lớp. Nhưng mình thấy nếu chỉ ngồi nghe [trước màn hình] thôi thì sinh viên không chú ý vào lớp học. Thế nên, mình yêu cầu các em làm bài tập ngắn, bài tập nhóm ngay trên lớp, thì thấy hiệu quả hơn.

(Phỏng vấn 4, nữ)

3.2.3. Các chiến lược tích cực hóa lớp học. Để nâng cao chất lượng giảng dạy trong lớp học online thì các chiến lược tích cực hóa lớp học là rất cần thiết. Trong nghiên cứu này, các thầy/cô đề xuất: (1) Tăng cường thảo luận nhóm; và (2) Kết hợp với các trò chơi (game).

Đối tượng nghiên cứu nói thảo luận nhóm là

một cách hiệu quả để sinh viên tham gia nhiều hơn trong lớp học. Ở phần thảo luận này, sinh viên được tương tác với các bạn trong lớp, tương tác với thầy/cô nên các thầy/cô cảm thấy các em “có hứng thú học hơn”. Thầy cô cũng nói thảo luận nhóm rất cần sự phản hồi kịp thời, nên các thầy cô phải luôn theo sát với nhịp độ học tập của các em.

Sinh viên ấy, là cứ thích vui, mà cái lúc thảo luận mỗi người một ý, có khi đi ra ngoài chủ đề thảo luận. Nhưng mình không nên cứng nhắc quá, bắt các em chỉ tập trung mỗi nội dung học tập; mình cứ để các em nói, rồi mình phản hồi, mình uốn nắn, là các em lại nói ra được nhiều ý rất hay. (Phỏng vấn 9, nam)

Đặc biệt là với sự hỗ trợ của công nghệ, ví dụ phần mềm Zoom có tính năng chia lớp học trực tuyến thành các lớp nhỏ, sinh viên đã được hỗ trợ rất tốt, và theo thầy/cô, là dần tích cực tham gia hơn vào thảo luận nhóm và các hoạt động lớp học khác.

Một số ý kiến nữa từ phía thầy cô là kết hợp trò chơi (game) vào hoạt động của lớp học online khiến sinh viên học tập hứng thú hơn. Thầy cô cho biết mình đã biến việc hỏi-đáp thường quy trên lớp thành trò chơi “hỏi-đáp 3 giây” – nghĩa là sau khi sinh viên nghe câu hỏi thì chỉ được trả lời ngay sau 3 giây, một bạn sinh viên làm trọng tài, chia đội, và cộng điểm chuyên cần. Thầy/cô chia sẻ.

À, mình chia đội nhé, rồi mình hỏi thật nhanh; các bạn đội khác sẽ đếm, còn các bạn đội được hỏi sẽ trả lời nhanh. Sinh viên tham gia nhiệt tình lắm, nhưng trò này để mình check [kiểm tra] xem sinh viên nắm bài đến đâu. (Phỏng vấn 10, nữ)

IV. BÀN LUẬN

Việc chuyển đổi từ lớp học trực tiếp sang học trực tuyến trong thời gian diễn ra đại dịch COVID 19 có phần đột ngột, và ảnh hưởng không nhỏ đến việc giảng dạy của các thầy/cô. Mặc dù nhiều sinh viên có phản ứng tiêu cực với học tập online [2], chúng ta vẫn phải thừa nhận lớp học trực tuyến đã làm giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch lên giáo dục điều dưỡng. Việc xây dựng các chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục trực tuyến là hết sức cần thiết. Các thầy/cô được khuyến khích thay đổi phương pháp giảng dạy của mình theo cách phù hợp với tình huống. Mahmood (2021) cũng chia sẻ các cách để dạy hiệu quả hơn trong lớp học online bao gồm sử dụng giọng nói phù hợp, tăng cường tương tác trong lớp học, giảng dạy và lượng giá

linh hoạt, và xây dựng năng lực học trực tuyến cho sinh viên.

Để giảng dạy trực tuyến hiệu quả thì việc nâng cao năng lực cũng như chuẩn bị cho giảng viên để tham gia vào quá trình chuyển đổi mô hình dạy trực tiếp sang trực tuyến là cần thiết. Tuy nhiên hiện nay các trường đào tạo điều dưỡng vẫn đang thiếu kế hoạch cụ thể để nâng cao năng lực cho giảng viên về giảng dạy từ xa. Các năng lực mà nhà trường cần củng cố cho giảng viên bao gồm năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, năng lực quản lý thời gian và nguồn lực cho dạy online, năng lực lượng giá sinh viên hiệu quả [1].

Ngoài ra, hoàn chỉnh nội dung bài giảng, các phương pháp giảng dạy thích hợp, tích cực hóa sinh viên cần được ưu tiên thực hiện trước. Đặc biệt, việc phát triển công cụ đánh giá, các phương pháp lượng giá của dạy-học trực tuyến là cần thiết để ứng phó với đại dịch. Các trường không nên tách rời dạy-học trực tuyến khỏi chương trình truyền thống mà nên đưa dạy-học trực tuyến thành một phần của chương trình truyền thống, như một giải pháp ứng phó với dịch bệnh hoặc các nguyên nhân gây gián đoạn học tập khác. Gazza, Elizabeth A [4] đã kết luận giảng dạy trực tuyến trong giáo dục điều dưỡng khác với giảng dạy trên lớp truyền thống theo nhiều cách. Điều này gợi ý các chính sách và hướng dẫn cụ thể dành cho giảng viên tham gia giảng dạy trực tuyến.

V. KẾT LUẬN

Giảng dạy trực tuyến là hình thức mới trong đào tạo điều dưỡng nhằm ứng phó với đại dịch

COVID-19 và được xem là giải pháp thiết yếu tránh gián đoạn giáo dục trong lúc có dịch. Tuy nhiên việc này dần được xem là một phần của giáo dục hiện đại bên cạnh hình thức giảng dạy trực tiếp. Các thầy cô cần tăng cường các chiến lược phát triển về cá nhân người giảng, về nội dung truyền đạt, và tích cực hóa để góp phần hỗ trợ người học và nâng cao chất lượng giảng dạy online.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **M. Nabolsi và các cộng sự.** (2021), "Nursing Faculty Experience With Online Distance Education During COVID-19 Crisis: A Qualitative Study", *J Prof Nurs.* 37(5), tr. 828-835.
2. **Izzeddin A Bdair** (2021), "Nursing students' and faculty members' perspectives about online learning during COVID-19 pandemic: a qualitative study", *Teaching and Learning in Nursing.*
3. **Bộ Y tế** (2023), Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19, truy cập ngày 29 - 3-2023, tại trang web <https://ncov.moh.gov.vn/vi/web/guest/trang-chu>.
4. **Elizabeth A Gazza** (2017), "The experience of teaching online in nursing education", *Journal of Nursing education.* 56(6), tr. 343-349.
5. **Rena M Palloff và Pratt Keith** (2013), *Lessons from the virtual classroom: The realities of online teaching*, John Wiley & Sons.
6. **Margarete Sandelowski** (2000), "Whatever happened to qualitative description?", *Research in nursing & health.* 23(4), tr. 334-340.
7. **Thelma S Sword** (2012), "The transition to online teaching as experienced by nurse educators", *Nursing education perspectives.* 33(4), tr. 269-271.
8. **WHO** (2023), WHO Coronavirus (COVID-19) Dashboard, truy cập ngày 20-3-2023, tại trang web <https://covid19.who.int/>.

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THÓI QUEN HÚT THUỐC LÁ Ở NAM HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÝ THƯỜNG KIỆT THÀNH PHỐ YÊN BÁI NĂM 2023

Nguyễn Ngọc Nghĩa¹, Nguyễn Minh Hùng¹, Nguyễn Thành Trung¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và xác định một số yếu tố liên quan đến thói quen hút thuốc lá ở nam học sinh trường Trung học phổ thông (THPT) Lý Thường Kiệt

¹Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngọc Nghĩa

Email: nghiakhanh2016@gmail.com

Ngày nhận bài: 9.5.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.6.2023

Ngày duyệt bài: 11.7.2023

Kiệt, thành phố Yên Bái năm 2023. **Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp 420 học sinh tại thời điểm tháng 2/2023.

Kết quả: Tỷ lệ học sinh nam hút thuốc lá là 35,2%. Học sinh hút thuốc lá đầu lọc thông thường chiếm 65,6%, hút thuốc lá điện tử là 21,6%, hút thuốc lá 12,8%. Đã xác định được một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ hút thuốc lá ở nam học sinh gồm: Tiếp cận thông tin về phòng chống tác hại thuốc lá với OR=2,5 (95% CI 1,358-3,179), p < 0,05; Bạn thân hút thuốc lá với OR=3,35 (95% CI 2,087-5,862), p < 0,001; Kiến thức về tác hại của thuốc lá với OR=2,17 (95% CI 1,532-